

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST

Ngày 03 - 9 - 2020.

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngân Hiền

2. Bà Cam Thị Tuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Giàng Chấn Sồ - Kiểm sát Viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST- KDTM, ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DSTC ngày 15 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QDST-DSTC ngày 30/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QDST-DSTC ngày 13/8/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N - Chi nhánh Hà Giang; địa chỉ: Số 101, đường T, tổ 05, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. ĐD theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung K - Phó Giám đốc, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thái B; địa chỉ: Tổ 07, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Mã Thị H; địa chỉ: Tổ 07, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2019; bản tự khai ngày 24/12/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng N - Chi nhánh Hà Giang (sau đây viết tắt là N - CN Hà Giang) trình bày: Ngày 17/9/2015 ngân hàng N - CN Hà Giang và ông Phạm Thái B cùng ký hợp đồng tín dụng số 8200- LAV- 201501764. Theo nội dung của hợp đồng, ngân hàng N - CN Hà Giang cho hộ ông B vay số tiền 150.000.000đ, (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) thời hạn cho vay 12 tháng, từ ngày 17/9/2015 đến ngày 22/8/2018; lãi suất 9.5 %/năm; mục đích vay để đáp ứng chi phí gia công cơ khí các loại tại tổ 7 phường N thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Theo nội dung của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 57.15 ngày 17/9/2015 được ký kết giữa ngân hàng N - CN Hà Giang với ông Phạm Thái B và bà Mã Thị H (vợ ông B) thì toàn bộ khoản vay trên được hộ ông Phạm Thái B thế chấp bằng Quyền sử dụng đất số thửa 33a, tờ BĐ số 01c, diện tích đất 60m², loại đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất thôn Sơn Hà, xã Ngọc Đường, TP Hà Giang. Đất đã được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận QSDĐ số V 935028 ngày 22/9/2003 mang tên hộ ông Phạm Thái B. Ông B bà H tự nguyện dùng toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ cho hộ ông B tại các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hộ ông B với ngân hàng N - CN Hà Giang bao gồm nợ gốc + lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí, chi phí phát sinh khác (nếu có), trong đó số tiền gốc là 150.000.000đ. Việc đăng ký thế chấp được hai bên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Khi đến hạn thanh toán nợ hộ ông B đã không trả nợ như thỏa thuận, vi phạm cam kết về việc trả nợ cho ngân hàng và bỏ đi khỏi nơi cư trú. Ngân hàng N - CN Hà Giang đã nhiều lần liên hệ với gia đình ông B và thực hiện việc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để đề nghị ông B đến ngân hàng thực hiện trách nhiệm trả nợ nhưng không có kết quả. Đến nay, qua quá trình làm việc với tổ nhân dân nơi ông B bà H cư trú thì được biết ông B và bà H đã đi khỏi nơi cư trú, không liên lạc được, dẫn đến việc ngân hàng N - CN Hà Giang không thu hồi số tiền cho vay và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Do đó, ngân hàng N - CN Hà Giang đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết buộc ông B và bà H phải liên đới trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 150.000.000đ và lãi suất tính đến ngày 15/6/2019 tạm tính là 63.994.600đ. tổng số nợ gốc và lãi là 231.994.600đ (*Hai trăm ba mươi một triệu chín trăm chín mươi tư nghìn sáu trăm đồng*). Ông B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 8200-LAV- 201501764 ngày 17/9/2015 kể từ ngày 16/6/2019 đến khi ông B, bà H trả hết nợ gốc.

Trường hợp ông B, bà H không thực hiện việc trả nợ, ngân hàng N - CN Hà Giang sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông B, bà H đã thế chấp tại hợp đồng số 57.15 ký kết ngày 17/9/2015 bảo đảm thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Phạm Thái B và người có QLNVLQ bà Mã Thị H: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông B bà H đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng qua xác minh, tại tổ nhân dân tổ 07, phường N, Công an phường N, thành phố H cung cấp hiện nay ông B bà H đi khỏi nơi cư trú không có mặt tại địa phương nơi cư trú. Khi đi ông B, bà H không thông báo về việc thay đổi nơi cư trú, không báo tạm vắng nên chính quyền địa phương không biết hiện nay ông B, bà H đang cư trú ở đâu.

Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định chung.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ, vẽ sơ đồ của Tòa án nhân dân thành phố H ngày 25/5/2020 đối với diện tích đất của ông B bà H đã dùng để thế chấp tại ngân hàng N - CN Hà Giang xác định cụ thể: 01 mảnh đất phía Đông bám mặt đường Sơn H rộng 4m; phía Tây giáp suối chiều rộng 4m; phía Bắc giáp đất nhà ông Ch dài 15m; phía Nam giáp đất suối (chưa có giấy CNQSDĐ) dài 15m; tổng diện tích đất 60m²; thửa số 33a, tờ bản đồ địa chính số 01c; địa chỉ thửa đất: thôn Sơn Hà, xã N, thành Phố H, tỉnh Hà Giang, đã được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 935028 ngày 22/9/2003 mang tên ông hộ ông Phạm Thái B. Trên đất có 04 chân cột bê tông tiếp diện 220x220 dày 20cm.

Theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thành phố H ngày 25/5/2020 đã xác định diện tích 60m² có giá trị là 440.000.000đ; 04 cột bê tông trên đất có giá trị là 48.640đ. Tổng giá trị tài sản là 440.048.640đ (*Bốn trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*)

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông B bà H hoàn trả số tiền gốc là 10.000.đ và lãi suất tính đến ngày xét xử 03/9/2020 gồm: Lãi trong hạn là 6.768.800đ; lãi quá hạn 82.195.960đ; tổng số nợ gốc và lãi là 88.974.760 đ (*Tám mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*). Trường hợp ông B bà H không thực hiện việc trả nợ, ngân hàng N - CN Hà Giang sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp

với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71- BLTTDS. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 280, 288, 299, 317, 319, 322, 357, 463, 466, 500 - Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm g khoản 1 Điều 179- Lật Đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông B bà H trả số tiền nợ gốc: 10.000đ và lãi suất tính đến ngày xét xử 03/9/2020 gồm: Lãi trong hạn là 6.768.800đ; lãi quá hạn 82.195.960đ; tổng số nợ gốc và lãi là 88.974.760 đ (*Tám mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*) và lãi suất phát sinh từ ngày 03/9/2020 cho đến khi ông B bà H trả hết nợ cho ngân hàng. Nếu ông B bà H không thực hiện việc trả nợ thì ngân hàng N - CN Hà Giang có quyền xử lý tài sản của ông B bà H đã thế chấp cho khoản vay theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147, 157, 158, 165, 166 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trả lại tiền tạm ứng án phí cho ngân hàng N - CN Hà Giang. Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản (đã thi hành xong).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn ngân hàng N - CN Hà Giang; địa chỉ: địa chỉ: Số 101, đường T, tổ 05, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Phạm Thái B; địa chỉ: Tổ 07, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Ông Phạm Thái B là hộ kinh doanh có chứng nhận ĐKKD số 10A8004577 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Giang cấp ngày 12/11/2013 theo quy định của pháp luật; ngành nghề kinh doanh: Gia công cơ khí, nhôm kính. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Bị đơn ông Phạm Thái B, người có QLNVLQ Mã Thị H đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông B và bà H theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng N - Chi nhánh Hà Giang cho ông B vay số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Mục đích vay để chi phí gia công cơ khí các loại phục vụ cho hoạt động kinh doanh gia công cơ khí, có mục đích lợi nhuận. Như vậy, xác định tranh chấp Hợp đồng Tín dụng và là tranh chấp kinh doanh thương mại, được quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015.

[4]. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng N - CN Hà Giang, vào ngày 14/9/2015 ông Phạm Thái B ký giấy đề nghị vay vốn và phương án vay vốn gia công cơ khí các loại đề nghị ngân hàng N - CN Hà Giang cho vay số tiền 150.000.000đ. Đến ngày 17/9/2015 ngân hàng N - CN Hà Giang và ông Phạm Thái B cùng ký hợp đồng tín dụng số 201501764/HĐTD, theo nội dung hợp đồng Agribank - CN Hà Giang cho ông B vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, là loại hợp đồng ngắn hạn, đã được hai bên thỏa thuận bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng tín dụng nêu trên hợp pháp, có căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[5]. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ngân hàng N - CN Hà Giang thực hiện đúng nghĩa vụ, giải ngân cho ông B vay số tiền 150.000.000đ. Ông B nhận đủ số tiền vay nhưng sau đó không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Nay do ông B, bà H đã đi khỏi nơi cư trú, trước khi thay đổi địa chỉ nơi cư trú không thông báo cho chính quyền địa phương nơi đang cư trú và ngân hàng N - Chi nhánh Hà Giang, biết về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú, cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do ông B, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng N - CN Hà Giang khởi kiện ra Tòa án theo các điều 12 của Hợp đồng tín dụng số 201501764, ngày 17/9/2015 là có căn cứ.

[6]. Xét yêu cầu của ngân hàng N - Chi nhánh Hà Giang buộc ông B bà H phải liên đới trả khoản nợ gốc: Căn cứ lời khai của đương sự và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã xác định được số tiền nợ gốc ngân hàng N - CN Hà Giang đã giải ngân cho hộ ông B vay ngày 17/9/2015 là 150.000.000đ, là khoản nợ chung của hộ gia đình ông B vay để sử dụng vào việc kinh doanh gia công cơ khí, đồng thời tại các tài liệu là Biên bản kiểm tra tài sản sau khi cho vay ngày 02/10/2015; ngày 15/12/2015; ngày 14/01/2016; biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm ngày 17/9/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 57.15 ngày 17/9/2015; đơn yêu cầu đăng ký tài sản thế chấp ngày 17/9/2015 đều có chữ ký và xác nhận của bà H (vợ ông B). Như vậy đủ căn cứ xác định khoản nợ 150.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 201501764/HĐTD ngày 17/9/2015 là khoản nợ chung của ông B và bà H. Tính đến ngày 03/9/2020 số dư nợ gốc còn là 10.000đ; lãi trong hạn là 6.768.800đ; lãi quá hạn 82.195.960đ; tổng số nợ gốc và lãi là 88.974.760 đ (*Tám mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng N - Chi nhánh Hà Giang về việc buộc ông B bà H phải cùng có trách nhiệm trả khoản tiền nợ gốc 10,000đ và lãi là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với khoản lãi phát sinh tính đến ngày 03/9/2020 gồm: Lãi trong hạn là 6.768.800đ; lãi quá hạn 82.195.960đ; tổng số lãi là 88.964.760 đ.

[7]. Như vậy, cần buộc ông B bà H phải trả cho ngân hàng các khoản tiền sau: Nợ gốc: 10.000. + lãi trong hạn 6.768.800đ + lãi quá hạn 82.195.960đ; tổng số nợ gốc và lãi là 88.974.760 đ (*Tám mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*). Kể từ ngày 04/9/2020 ông B bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong

HĐTD số 8200-LVA-201501764 ngày 17/9/2015 cho đến ông B bà H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[8]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Đề đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của hộ ông B. Tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 57.15/HĐTC ngày 17/9/2015 số công chứng 1097/SCC-HĐTCTS; Quyền số 02/2015/TP/CC-SCC. Theo nội dung hợp đồng thế chấp QSDĐ ông B bà H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng 60m² đất ở tại nông thôn thuộc quyền sử dụng của ông bà tại thôn S, xã N, TP H; thửa số 33a, tờ bản đồ số 01c; đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số V 935028 ngày 22/9/2003 mang tên hộ ông Phạm Thái B. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm vay vốn là 200.000.000đ. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được các bên ngân hàng N - Chi nhánh Hà Giang và ông B và bà H ký kết, công chứng và đăng ký bảo đảm theo quy định của pháp luật.

[9]. Theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 25/5/2020 của Tòa án cho thấy: Trên thửa đất thế chấp còn có 04 chân cột bê tông. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm giải quyết vụ án do Hội đồng định giá tài sản thành phố Hà Giang xác định: Diện tích đất có giá trị là 440.000.000đ; 04 cột bê tông trên đất có giá trị là 48.640đ. Tổng giá trị tài sản là 440.048.640đ (*Bốn trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*)

[10]. Theo nội dung của Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, tại Điều 4, mục 4.1 quy định Bên A được xử lý tài sản trong các trường hợp sau: “Đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ...” . Như vậy, bên A (ngân hàng N - CN Hà Giang) có quyền xử lý tài sản thế chấp khi bên B (ông B, bà H) vi phạm hợp đồng cấp tín dụng. Trên thực tế do ông B bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng N - CN Hà Giang nên cần phát mại tài sản thế chấp là đất và tài sản có trên đất. Số tiền phát mại được ưu tiên thanh toán toàn bộ số nợ của hộ ông B theo HĐ tín dụng, nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp là ông B bà H, nếu thiếu ông B và bà H phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, yêu cầu về việc đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của ngân hàng N - CN Hà Giang nêu ra là có căn cứ chấp nhận.

[11]. Bị đơn ông B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu của mình. Do đó, Tòa án không có căn cứ để giải quyết.

[12]. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Do ngân hàng N - CN Hà Giang đã tự nguyện chịu toàn bộ tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản, không yêu cầu bị đơn phải chịu chi phí thẩm định, định giá, và đã thi hành xong số tiền 2.000.000đ chi phí thẩm định, định giá, nên không giải quyết.

[13]. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144, Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 3 danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông B bà

H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại cho Agribank - CN Hà Giang tiền tạm ứng án phí KDTM đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, 157, 158, 165, 166, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 280, 288, 299, 317, 318, 319, 322, 357, 463, 466, 500 - Bộ luật dân sự năm 2015; áp dụng vào điểm g khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ vào Điều 3 NĐ số 83/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 3 danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh Hà Giang về việc yêu cầu ông Phạm Thái B và bà Mã Thị H cùng liên đới trả số tiền vay nợ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số HĐTD số 201501764, ngày 17/9/2015.

Xử: Buộc ông Phạm Thái B và bà Mã Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh Hà Giang, số tiền nợ tính đến ngày 03/9/2020 nợ gốc là 10.000đ; lãi suất trong hạn là 6.768.800đ; lãi quá hạn 82.195.960đ; tổng số nợ gốc và lãi là 88.974.760 đ (*Tám mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông B và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng N - Chi nhánh Hà Giang, thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông B bà H đối với Ngân hàng N - Chi nhánh Hà Giang đó là: Quyền sử dụng diện đất thừa số 33a, tờ bản đồ số 01c; phía Đông tám mét đường S rộng 4m; phía Tây giáp suối chiều rộng 4m; phía Bắc giáp đất nhà ông Ch dài 15m; phía Nam giáp đất suối (phần đất chưa có giấy CNQSDĐ) dài 15m; tổng diện tích đất 60m²; địa chỉ thửa đất: thôn S, xã N, thành Phố H, tỉnh Hà Giang, đã được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 935028 ngày 22/9/2003 mang tên ông hộ ông Phạm Thái B. Trên đất có 04 chân cột bê tông tiếp diện 220x220 dày 20cm (*có sơ đồ chi tiết kèm theo*). Số tiền phát mại tài sản bảo đảm được ưu tiên thanh toán cho toàn bộ khoản nợ của ông B theo hợp đồng tín dụng số 8200-LVA-201501764 ngày 17/9/2015, nếu còn thừa sẽ được trả lại cho bên thế chấp là ông B bà H, nếu thiếu ông B bà H phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh Hà Giang.

2. Về chi phí Thẩm định: Ngân hàng N - Chi nhánh Hà Giang tự nguyện chịu toàn bộ tạm ứng chi phí thẩm định định giá là số tiền 2000.000đ (Hai triệu đồng) đã thi hành xong.

3. Về án phí:

- Ông Phạm Thái B và Mã Thị H phải liên đới chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 4.448.738đ (*Bốn triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi tám đồng*)

- Trả lại cho Ngân hàng N - Chi nhánh Hà Giang số tiền tạm ứng án phí 5.349.000đ (*Năm triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 01445 ngày 13/12/2019 (do bà Trần Thúy Q nộp thay).

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. H;
- Các đương sự;
- C.C THADS TP. H;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thanh Bình